

Số: 138/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 21 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐTBD ngày 05/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-ĐHSPKTVL-SĐH ngày 01/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học năm 2020;

Căn cứ Kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa Đại học hệ vừa làm vừa học đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 2 năm 2020;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp Đại học hệ vừa làm vừa học đợt 2 năm 2020 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp họp ngày 16/11/2020;

Xét đề nghị của Ông Phụ trách phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp **ĐẠI HỌC** hệ vừa làm vừa học cho **231** sinh viên. (có danh sách kèm theo).

TT	Ngành đào tạo	Tổng số SV	Kết quả tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Công nghệ thông tin	12	0	1	8	3
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	152	3	48	93	8
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3	0	1	1	1
4	Công nghệ kỹ thuật ô tô	33	3	29	0	1
5	Công nghệ kỹ thuật giao thông	16	0	12	4	0
6	Công tác xã hội	14	0	8	6	0
7	Thú y	1	0	1	0	0
TỔNG CỘNG		231	6	100	112	13

Điều 2. Mọi chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được cắt khỏi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: P.ĐT.



PGS.TS. Lao Hùng Phi



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC - ĐỢT 2 NĂM 2020

(Kèm theo quyết định số 138/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 21 tháng 11 năm 2020)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
I. Ngành Công nghệ thông tin								
1	15304027	Trần Thị Tuyết Hạnh	Nữ	04/11/1983	Vĩnh Long	Kinh	2.95	Khá
2	15304037	Nguyễn Thị Kiều My	Nữ	25/8/1991	Đồng Tháp	Kinh	2.50	Khá
3	15304041	Huỳnh Thị Bé Quyên	Nữ	21/12/1992	Vĩnh Long	Kinh	2.16	Trung bình
4	16304032	Lê Thanh Nguyên	Nam	03/8/1992	Tiền Giang	Kinh	2.26	Trung bình
5	17304007	Nguyễn Hoàng Khánh Duy	Nam	06/12/1995	Vĩnh Long	Kinh	2.39	Trung bình
6	16304005	Hồ Văn Minh	Nam	17/7/1976	Cần Thơ	Kinh	3.24	Giỏi
7	16304044	Phan Văn Lâm	Nam	07/10/1992	Bến Tre	Kinh	3.06	Khá
8	16304049	Nguyễn Minh Phúc	Nam	11/11/1986	Bến Tre	Kinh	2.70	Khá
9	16304015	Lê Ngọc Dung	Nữ	12/02/1990	Tiền Giang	Kinh	3.01	Khá
10	16304018	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	12/10/1990	Tiền Giang	Kinh	2.89	Khá
11	16304020	Lâm Quốc Thắng	Nam	10/02/1987	Tiền Giang	Kinh	2.84	Khá
12	16304022	Lê Minh Thiện	Nam	28/9/1989	Tiền Giang	Kinh	2.82	Khá
II. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử								
13	16303384	Lê Hoàng Chiêu	Nam	12/7/1987	Vĩnh Long	Kinh	2.61	Khá
14	16303389	Nguyễn Nhựt Hòa	Nam	16/01/1978	Vĩnh Long	Kinh	3.22	Giỏi
15	16303401	Lê Tấn Phát	Nam	1984	Tiền Giang	Kinh	2.59	Khá
16	16303404	Lê Trường Sơn	Nam	10/02/1981	Vĩnh Long	Kinh	3.22	Giỏi
17	16303407	Phạm Văn Thắng	Nam	26/3/1980	Vĩnh Long	Kinh	2.30	Trung bình
18	16303413	Lê Văn Toàn	Nam	22/08/1987	Tiền Giang	Kinh	2.75	Khá
19	16303416	Lê Cao Trí	Nam	21/3/1996	Tiền Giang	Kinh	2.13	Trung bình
20	16303421	Trịnh Hoàng Tuấn	Nam	20/3/1991	Hậu Giang	Kinh	2.47	Trung bình
21	17303060	Văn Đăng Khoa	Nam	14/4/1993	Vĩnh Long	Kinh	3.10	Khá
22	17303063	Lê Hoàng Khương	Nam	20/10/1985	Vĩnh Long	Kinh	2.58	Khá
23	17303065	Thạch Lôi Văn Linh	Nam	1987	Vĩnh Long	Khmer	2.32	Trung bình
24	17303066	Phan Thị Cẩm Loan	Nữ	10/01/1981	Vĩnh Long	Kinh	3.10	Khá
25	17303070	Nguyễn Tấn Phát	Nam	20/6/1994	Vĩnh Long	Kinh	2.72	Khá
26	17303071	Phạm Nhật Phúc	Nam	24/10/1992	Tiền Giang	Kinh	2.66	Khá
27	17303079	Nguyễn Văn Tính	Nam	31/12/1989	Vĩnh Long	Kinh	2.68	Khá
28	17303080	Nguyễn Quốc Toàn	Nam	1982	Bạc Liêu	Kinh	2.84	Khá
29	17303082	Diệp Hoàng Tuấn	Nam	20/3/1992	Vĩnh Long	Kinh	2.33	Trung bình
30	17303236	Nguyễn Vũ Thanh	Nam	09/9/1985	Bến Tre	Kinh	2.82	Khá
31	17303248	La Quốc Phong	Nam	19/7/1977	Cần Thơ	Kinh	2.61	Khá
32	17303250	Nguyễn Hồ Như Thái	Nam	04/8/1989	Hậu Giang	Kinh	2.36	Trung bình
33	18303002	Âu Thiên Bảo	Nam	12/9/1995	Vĩnh Long	Kinh	2.67	Khá
34	18303015	Đoàn Lê Minh	Nam	31/10/1996	Tây Ninh	Kinh	3.01	Khá
35	18303019	Mai Văn Nhưông	Nam	27/7/1987	Bến Tre	Kinh	3.18	Khá
36	18303032	Đặng Thị Cẩm Tiên	Nữ	21/02/1996	Bến Tre	Kinh	2.78	Khá
37	18303035	Nguyễn Phước Tiến	Nam	23/4/1996	Đồng Tháp	Kinh	2.15	Trung bình
38	18303040	Lê Hải Yến	Nữ	23/3/1996	Vĩnh Long	Kinh	3.05	Khá
39	18303055	Lê Hoàng Nha	Nam	14/6/1996	Vĩnh Long	Kinh	2.56	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
40	18303057	Huỳnh Thị Cẩm Nhung	Nữ	08/8/1987	Đồng Tháp	Kinh	3.04	Khá
41	18303061	Võ Hữu Phước	Nam	16/11/1996	Vĩnh Long	Kinh	2.22	Trung bình
42	16303127	Nguyễn Thành Luân	Nam	12/8/1988	Hậu Giang	Kinh	2.86	Khá
43	16303412	Nguyễn Hoàng Toán	Nam	1986	Cần Thơ	Kinh	3.27	Giỏi
44	17303105	Nguyễn Hoàng Huân	Nam	05/01/1980	Cần Thơ	Kinh	3.09	Khá
45	17303118	Nguyễn Tấn Phúc	Nam	24/10/1972	An Giang	Kinh	3.20	Giỏi
46	16303108	Tăng Hiền Phát	Nam	10/8/1987	An Giang	Hoa	3.02	Khá
47	16303135	Trần Ngọc Đức	Nam	07/02/1984	Tiền Giang	Kinh	3.12	Khá
48	16303138	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	01/12/1970	Ninh Bình	Kinh	3.50	Giỏi
49	16303364	Nguyễn Văn Phụng	Nam	27/02/1977	Tiền Giang	Kinh	3.59	Giỏi
50	17303030	Trần Văn Hoàng	Nam	1969	Tiền Giang	Kinh	3.55	Giỏi
51	17303033	Lê Anh Triết	Nam	21/01/1983	Tiền Giang	Kinh	3.51	Giỏi
52	17303184	Phạm Võ Minh Quân	Nam	31/8/1990	Tiền Giang	Kinh	3.32	Giỏi
53	16303291	Lê Ngọc Bào	Nam	27/12/1983	Long An	Kinh	3.12	Khá
54	16303292	Trương Thị Kim Châu	Nữ	10/12/1982	Long An	Kinh	3.67	Xuất sắc
55	16303293	Huỳnh Tấn Đạt	Nam	20/02/1985	Cửu Long	Kinh	3.36	Giỏi
56	16303294	Trương Nguyễn Thế Diễn	Nam	02/11/1981	Long An	Kinh	3.22	Giỏi
57	16303295	Huỳnh Phước Hậu	Nam	25/11/1991	Long An	Kinh	2.98	Khá
58	16303296	Lê Tấn Hiệp	Nam	30/11/1981	Long An	Kinh	3.14	Khá
59	16303297	Đỗ Văn Hòa	Nam	04/02/1989	Long An	Kinh	3.07	Khá
60	16303299	Nguyễn Mộng Hữu	Nam	15/6/1986	Long An	Kinh	3.09	Khá
61	16303300	Nguyễn Minh Kha	Nam	11/10/1983	Tiền Giang	Kinh	3.02	Khá
62	16303301	Phạm Nguyên Khang	Nam	05/5/1985	Long An	Kinh	3.28	Giỏi
63	16303302	Võ Thành Kiên	Nam	08/5/1985	Long An	Kinh	3.08	Khá
64	16303303	Võ Trọng Lộc	Nam	25/8/1989	Long An	Kinh	3.22	Giỏi
65	16303304	Trần Trọng Nghĩa	Nam	01/10/1979	Long An	Kinh	3.69	Xuất sắc
66	16303305	Phạm Thái Nhân	Nam	30/4/1990	Đồng Tháp	Kinh	2.98	Khá
67	16303309	Đỗ Châu Thanh	Nam	15/7/1988	Long An	Kinh	3.22	Giỏi
68	16303310	Trần Phương Nguyên Thảo	Nam	18/10/1986	Long An	Kinh	3.09	Khá
69	16303311	Nguyễn Châu Thuận	Nam	22/6/1984	Long An	Kinh	3.10	Khá
70	16303312	Phạm Đức Thuận	Nam	17/10/1986	Long An	Kinh	3.04	Khá
71	16303313	Nguyễn Châu Toàn	Nam	04/7/1975	Long An	Kinh	2.98	Khá
72	16303314	Lê Tuấn Triệu	Nam	27/4/1998	Bình Thuận	Kinh	3.31	Giỏi
73	16303316	Phan Hữu Vinh	Nam	08/8/1998	Long An	Kinh	2.98	Khá
74	17303045	Nguyễn Hữu Trung	Nam	04/9/1981	Long An	Kinh	2.98	Khá
75	16303198	Trương Minh Phương	Nam	17/4/1982	Trà Vinh	Kinh	3.13	Khá
76	17303200	Nguyễn Triệu Quốc Bảo	Nam	29/7/1986	Trà Vinh	Kinh	3.12	Khá
77	17303201	Đỗ Hùng Cường	Nam	06/10/1980	Trà Vinh	Kinh	3.11	Khá
78	17303203	Mạch Văn Đăng	Nam	13/11/1978	Trà Vinh	Kinh	3.13	Khá
79	17303204	Nguyễn Thanh Hiền	Nam	08/10/1981	Trà Vinh	Kinh	2.72	Khá
80	17303205	Lê Thanh Hồng	Nam	28/02/1990	Trà Vinh	Kinh	3.12	Khá
81	17303206	Lê Văn Ký	Nam	14/6/1974	Thái Bình	Kinh	2.80	Khá
82	17303207	Phạm Thị Mỹ Linh	Nữ	27/11/1982	Trà Vinh	Kinh	3.11	Khá
83	17303208	Phương Kim Ngọc	Nam	07/02/1981	Trà Vinh	Khmer	2.99	Khá
84	17303209	Tăng Văn Nhanh	Nam	28/10/1995	Trà Vinh	Kinh	2.73	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
85	17303215	Ngô Tấn Tới	Nam	12/7/1994	Trà Vinh	Kinh	2.65	Khá
86	17303219	Lâm Hữu Trí	Nam	11/3/1994	Trà Vinh	Kinh	2.69	Khá
87	17303220	Lê Trung	Nam	20/11/1993	Trà Vinh	Kinh	2.70	Khá
88	17303221	Phạm Tuấn Vũ	Nam	1990	Trà Vinh	Kinh	2.76	Khá
89	17303245	Thạch SôRaDa	Nam	29/12/1980	Trà Vinh	Khmer	2.56	Khá
90	17303251	Dương Chí Thân	Nam	01/01/1993	Trà Vinh	Kinh	2.55	Khá
91	17303011	Dương Văn Bảo	Nam	30/12/1988	Bạc Liêu	Kinh	2.96	Khá
92	17303013	Trương Minh Đại	Nam	24/02/1984	Sóc Trăng	Kinh	3.10	Khá
93	17303014	Trần Thanh Hà	Nam	02/10/1979	Sóc Trăng	Kinh	3.46	Giỏi
94	17303015	Lê Anh Hào	Nam	03/11/1984	Sóc Trăng	Kinh	3.04	Khá
95	17303016	Hồng Thị Lệ Hồng	Nữ	01/01/1979	Sóc Trăng	Kinh	3.20	Giỏi
96	17303017	Nguyễn Văn Mãi	Nam	28/8/1978	Sóc Trăng	Kinh	3.20	Giỏi
97	17303018	Thạch Ly Na	Nam	04/01/1980	Sóc Trăng	Khmer	3.30	Giỏi
98	17303020	Nguyễn Anh Phương	Nam	03/01/1987	Vĩnh Long	Kinh	3.33	Giỏi
99	17303021	Trịnh Thành Tâm	Nam	24/9/1984	Hậu Giang	Kinh	3.39	Giỏi
100	17303024	Đào Minh Thật	Nam	17/4/1991	Sóc Trăng	Kinh	3.06	Khá
101	17303027	Nguyễn Xuân Xâm	Nam	26/6/1996	Tiền Giang	Kinh	3.17	Khá
102	17303145	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	24/11/1980	Cần Thơ	Kinh	3.56	Giỏi
103	17303146	Phan Thành Hào	Nam	29/7/1991	Sóc Trăng	Kinh	2.99	Khá
104	17303147	Trần Phi Hạo	Nam	09/6/1981	Sóc Trăng	Khmer	3.09	Khá
105	17303150	Lê Thị Diễm Hương	Nữ	04/10/1990	Sóc Trăng	Kinh	3.27	Giỏi
106	17303152	Quách Văn Mười	Nam	14/7/1979	Sóc Trăng	Hoa	3.42	Giỏi
107	17303155	Quách Lâm Tuấn Ngọc	Nam	19/6/1985	Sóc Trăng	Kinh	3.31	Giỏi
108	17303156	Nguyễn Trung Phước	Nam	09/5/1990	Sóc Trăng	Kinh	2.91	Khá
109	17303158	Phan Thanh Sang	Nam	18/01/1982	Vĩnh Long	Kinh	3.26	Giỏi
110	17303159	Võ Minh Tài	Nam	02/01/1989	Sóc Trăng	Kinh	3.18	Khá
111	17303161	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Nữ	12/11/1991	Sóc Trăng	Kinh	3.34	Giỏi
112	17303162	Trần Giang Thắng	Nam	09/8/1981	Sóc Trăng	Hoa	3.24	Giỏi
113	17303163	Nguyễn Văn Thiện	Nam	01/12/1979	Cần Thơ	Kinh	3.21	Giỏi
114	17303167	Đoàn Quốc Trung	Nam	15/8/1982	Cần Thơ	Kinh	3.09	Khá
115	17303168	Chung Quốc Việt	Nam	26/5/1978	Sóc Trăng	Khmer	3.85	Xuất sắc
116	17303169	Giang Vũ	Nam	05/02/1983	Sóc Trăng	Kinh	3.45	Giỏi
117	16303057	Phan Thành Chuyển	Nam	15/10/1985	Cà Mau	Kinh	2.86	Khá
118	16303058	Nguyễn Minh Cương	Nam	28/12/1981	Cà Mau	Kinh	2.91	Khá
119	16303059	Dương Tấn Đạt	Nam	05/5/1989	Cà Mau	Kinh	3.16	Khá
120	16303060	Đào Văn Đen	Nam	01/01/1987	Cà Mau	Kinh	2.88	Khá
121	16303067	Nguyễn Vũ Huy	Nam	22/12/1984	Cà Mau	Kinh	3.31	Giỏi
122	16303069	Hồng Việt Khải	Nam	01/01/1986	Cà Mau	Kinh	3.30	Giỏi
123	16303070	Nguyễn Viết Lãm	Nam	05/10/1985	Cà Mau	Kinh	3.25	Giỏi
124	16303071	Dương Minh Liêm	Nam	10/5/1980	Bạc Liêu	Kinh	3.21	Giỏi
125	16303072	Huỳnh Phi Long	Nam	21/4/1984	Cà Mau	Kinh	2.95	Khá
126	16303074	Trần Minh Luân	Nam	21/3/1983	Cà Mau	Kinh	3.02	Khá
127	16303075	Nguyễn Hải Sơn Nam	Nam	29/12/1990	Cà Mau	Kinh	3.27	Giỏi
128	16303076	Dương Minh Ngọc	Nam	01/01/1984	Cà Mau	Kinh	3.14	Khá
129	16303077	Trương Như Quang Nhựt	Nam	24/01/1977	Tp.HCM	Kinh	3.21	Giỏi

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
130	16303079	Nguyễn Minh Quới	Nam	28/12/1986	Cà Mau	Kinh	2.90	Khá
131	16303080	Lê Quốc Sơn	Nam	15/02/1983	Cà Mau	Kinh	3.21	Giỏi
132	16303081	Lê Nhật Thanh	Nam	27/3/1991	Cà Mau	Kinh	2.87	Khá
133	16303082	Hồ Văn Thống	Nam	09/7/1981	Cà Mau	Kinh	3.25	Giỏi
134	16303084	Trần Hữu Toàn	Nam	21/01/1981	Nghệ An	Kinh	2.86	Khá
135	16303085	Trần Thị Thanh Triết	Nữ	22/11/1980	Vĩnh Long	Kinh	3.26	Giỏi
136	16303086	Huỳnh Phú Trọng	Nam	16/11/1986	Cà Mau	Kinh	3.06	Khá
137	16303087	Trần Quốc Trường	Nam	10/8/1992	Cà Mau	Kinh	2.72	Khá
138	16303088	Trần Cao Tùng	Nam	20/01/1992	Cà Mau	Kinh	2.85	Khá
139	16303234	Lưu Công Chất	Nam	1983	Cà Mau	Kinh	2.93	Khá
140	16303237	Nguyễn Xuân Cương	Nam	04/02/1989	Hưng Yên	Kinh	3.05	Khá
141	16303238	Tiêu Thành Dũng	Nam	22/10/1986	Cà Mau	Kinh	3.31	Giỏi
142	16303239	Nguyễn Thị Hà	Nữ	10/11/1980	Hà Nam Ninh	Kinh	3.24	Giỏi
143	16303240	Nguyễn Mạnh Hải	Nam	05/9/1962	Kon Tum	Kinh	3.34	Giỏi
144	16303244	Nguyễn Văn Huỳnh	Nam	1983	Cà Mau	Kinh	3.21	Giỏi
145	16303247	Huỳnh Thúy Loan	Nữ	14/8/1986	Cà Mau	Kinh	3.25	Giỏi
146	16303248	Lâm Thanh Long	Nam	22/10/1979	Cà Mau	Kinh	3.11	Khá
147	16303249	Nguyễn Hải Long	Nam	01/02/1989	Long An	Kinh	2.94	Khá
148	16303250	Nguyễn Tuyết Nga	Nữ	25/6/1982	Cà Mau	Kinh	3.14	Khá
149	16303251	Phạm Khắc Nguyên	Nam	27/01/1984	Cà Mau	Kinh	3.13	Khá
150	16303254	Phạm Hồng Nhung	Nữ	18/6/1987	Cà Mau	Kinh	3.21	Giỏi
151	16303255	Trần Diệu Ni	Nữ	02/8/1987	Cà Mau	Kinh	3.14	Khá
152	16303259	Đào Thanh Sang	Nam	01/01/1984	Cà Mau	Kinh	3.26	Giỏi
153	16303261	Lê Văn Thạch	Nam	05/7/1989	Hà Tĩnh	Kinh	2.80	Khá
154	16303264	Lê Thạc Thọ	Nam	06/5/1985	Nghệ An	Kinh	2.94	Khá
155	16303265	Đỗ Nguyên Thông	Nam	20/10/1991	Cà Mau	Kinh	3.20	Giỏi
156	16303267	Nguyễn Đình Tới	Nam	26/5/1991	Hà Nam	Kinh	3.07	Khá
157	16303268	Trương Hoàng Trục	Nam	03/3/1980	Cà Mau	Kinh	3.12	Khá
158	16303269	Chu Đình Tùng	Nam	03/11/1992	Bắc Ninh	Kinh	3.10	Khá
159	16303270	Lê Văn Việt	Nam	1987	Cà Mau	Kinh	2.94	Khá
160	16303271	Dương Trường Vũ	Nam	19/11/1986	Cà Mau	Kinh	3.29	Giỏi
161	16303272	Hà Hoàng Vũ	Nam	16/5/1983	Cà Mau	Kinh	3.17	Khá
162	16303273	Lê Nhứt Ý	Nam	15/10/1987	Cà Mau	Kinh	3.05	Khá
163	16303274	Nguyễn Văn Ý	Nam	18/5/1984	Cà Mau	Kinh	2.91	Khá
164	15303164	Nguyễn Mạnh Phi	Nam	27/6/1985	Đồng Tháp	Kinh	2.78	Khá

III. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

165	17308014	Hồ Hoàng Thoại	Nam	16/8/1992	Vĩnh Long	Kinh	2.37	Trung bình
166	17303078	Trần Minh Tiến	Nam	28/7/1994	Vĩnh Long	Kinh	2.98	Khá
167	17308026	Nguyễn Văn Tiền	Nam	01/01/1984	Tiền Giang	Kinh	3.21	Giỏi

IV. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

168	15301011	Nguyễn Hồng Thái Sơn	Nam	28/10/1983	Vĩnh Long	Kinh	2.92	Khá
169	15301014	Đỗ Hữu Tân	Nam	04/10/1993	Cần Thơ	Kinh	2.06	Trung bình
170	16301039	Nguyễn Thanh Dũng	Nam	25/12/1989	Tiền Giang	Kinh	3.26	Giỏi
171	16301044	Phan Sĩ Kiệt	Nam	01/8/1982	Hậu Giang	Kinh	2.86	Khá
172	16301062	Phạm Văn Tường	Nam	13/02/1982	Vĩnh Long	Kinh	2.57	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
173	17301033	Ngô Đình Quang	Nam	20/7/1988	Vĩnh Long	Kinh	3.01	Khá
174	18301001	Phạm Hải Đăng	Nam	22/6/1983	Bến Tre	Kinh	3.07	Khá
175	18301003	Nguyễn Thanh Hải	Nam	20/9/1997	Đồng Tháp	Kinh	2.87	Khá
176	18301005	Nguyễn Tấn Hòa	Nam	12/12/1995	Bình Thuận	Kinh	2.88	Khá
177	18301007	Phạm Thế Huy	Nam	20/11/1997	Bình Định	Kinh	2.93	Khá
178	18301009	Phạm Trần Tuấn Khải	Nam	03/8/1985	Tp.HCM	Kinh	3.00	Khá
179	18301010	Trần Đào Khang	Nam	20/11/1997	Đồng Tháp	Kinh	2.84	Khá
180	18301011	Nguyễn Văn Khoa	Nam	03/6/1983	Tp.HCM	Kinh	2.88	Khá
181	18301013	Đặng Trần Thị Y Linh	Nữ	01/11/1994	Tp.HCM	Kinh	3.50	Giỏi
182	18301015	Phan Thanh Long	Nam	25/5/1994	Bình Thuận	Kinh	3.02	Khá
183	18301018	Huỳnh Hoàng Phúc	Nam	08/8/1993	Trà Vinh	Kinh	2.93	Khá
184	18301019	Phan Minh Quốc	Nam	19/02/1995	Tp.HCM	Kinh	2.86	Khá
185	18301020	Nguyễn Thị Bích Thảo	Nữ	27/5/1997	Long An	Kinh	3.40	Giỏi
186	18301022	Nguyễn Đức Tính	Nam	20/02/1984	Phú Yên	Kinh	2.92	Khá
187	18301024	Công Hành Anh Tuấn	Nam	29/9/1994	Lâm Đồng	Kinh	2.85	Khá
188	18301025	Nguyễn Công Tuấn	Nam	10/10/1996	Bến Tre	Kinh	2.90	Khá
189	18301027	Đào Ngọc Khương Duy	Nam	07/10/1996	Tp.HCM	Kinh	2.95	Khá
190	18301028	Võ Văn Hiền	Nam	20/6/1994	Quảng Ngãi	Kinh	3.07	Khá
191	18301029	Lê Tấn Hòa	Nam	28/9/1996	Bình Thuận	Kinh	2.70	Khá
192	18301030	Lê Hồng Khang	Nam	16/12/1997	Bến Tre	Kinh	2.88	Khá
193	18301031	Nguyễn Thành Lộc	Nam	29/10/1994	Bến Tre	Kinh	2.99	Khá
194	18301033	Trần Nguyễn Hiếu Nhân	Nam	18/02/1997	Long An	Kinh	3.03	Khá
195	18301034	Nguyễn Trọng Nhân	Nam	22/8/1994	An Giang	Kinh	2.88	Khá
196	18301035	Trần Thiên Phúc	Nam	25/6/1996	Tp.HCM	Kinh	2.76	Khá
197	18301036	Đoàn Thuyền Quốc	Nam	01/01/1996	Đắk Lắk	Kinh	2.98	Khá
198	18301037	Dương Thanh Tâm	Nam	06/10/1997	Tiền Giang	Kinh	3.00	Khá
199	18301038	Trần Thanh Tịnh	Nam	16/3/1989	Sóc Trăng	Hoa	2.98	Khá
200	18301039	Lê Nguyễn Anh Tuấn	Nam	29/9/1997	Bình Thuận	Kinh	2.82	Khá

V. Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông

201	18312001	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	24/4/1993	Tây Ninh	Kinh	3.41	Giỏi
202	18312002	Trương Quốc Kiệt	Nam	29/11/1990	Tiền Giang	Kinh	3.22	Giỏi
203	18312003	Nguyễn Văn Lân	Nam	28/02/1988	Bến Tre	Kinh	3.17	Khá
204	18312004	Tổng Hữu Nghĩa	Nam	30/10/1990	Đồng Tháp	Kinh	3.27	Giỏi
205	18312005	Trần Minh Tân	Nam	04/4/1993	Tiền Giang	Kinh	3.45	Giỏi
206	18312006	Nguyễn Tuấn Thanh	Nam	20/7/1991	Tp.HCM	Kinh	3.28	Giỏi
207	18312007	Đào Sỹ Tiến	Nam	06/11/1981	Quảng Trị	Kinh	3.20	Giỏi
208	18312008	Lê Tiền	Nam	20/6/1992	Quảng Ngãi	Kinh	3.31	Giỏi
209	18312009	Huỳnh Khương Hữu Trung	Nam	21/7/1995	Tp.HCM	Kinh	3.21	Giỏi
210	18312010	Nguyễn Đình Vũ	Nam	02/10/1987	Nghệ An	Kinh	3.29	Giỏi
211	18312011	Nguyễn Đình Chung	Nam	02/10/1994	Thanh Hóa	Kinh	3.37	Giỏi
212	18312012	Bùi Tuấn Kiệt	Nam	07/11/1994	Long An	Kinh	3.23	Giỏi
213	18312013	Phạm Văn Ngoan	Nam	01/3/1990	Tiền Giang	Kinh	3.19	Khá
214	18312014	Trương Minh Tuấn	Nam	28/8/1991	Bến Tre	Kinh	3.05	Khá
215	18312015	Cao Thị Khánh Vân	Nữ	09/3/1979	Tiền Giang	Kinh	3.35	Giỏi
216	18312016	Trần Quốc Việt	Nam	14/02/1994	Bạc Liêu	Kinh	3.11	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
VI. Ngành Công tác xã hội								
217	17311084	Lê Thị Bảo Ngọc	Nữ	14/02/1990	Long An	Kinh	3.21	Giỏi
218	17311096	Huỳnh Châu Bảo Toàn	Nam	14/4/1995	Tp.HCM	Kinh	3.01	Khá
219	17311116	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	20/8/1986	Tiền Giang	Kinh	3.38	Giỏi
220	17311080	Ngô Khắc Lợi	Nam	18/5/1983	Long An	Kinh	3.15	Khá
221	17311082	Phan Văn Mùa	Nam	18/8/1986	Long An	Kinh	3.03	Khá
222	17311083	Lê Văn Nghệ	Nam	17/12/1984	Long An	Kinh	2.86	Khá
223	17311093	Nguyễn Văn Re	Nam	10/10/1991	Long An	Kinh	2.90	Khá
224	17311102	Nguyễn Minh Thông	Nam	22/12/1987	Long An	Kinh	3.33	Giỏi
225	17311118	Nguyễn Thị Như Bông	Nữ	11/02/1977	Long An	Kinh	3.39	Giỏi
226	17311120	Nguyễn Văn Núi	Nam	23/6/1982	Bến Tre	Kinh	3.48	Giỏi
227	17311121	Phạm Thị Ngọc Quyền	Nữ	13/6/1984	Long An	Kinh	3.29	Giỏi
228	17311122	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	07/10/1971	Tiền Giang	Kinh	3.27	Giỏi
229	17311123	Nguyễn Ngọc Thảo	Nữ	1974	Long An	Kinh	3.14	Khá
230	17311124	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	25/12/1988	Long An	Kinh	3.53	Giỏi
VII. Ngành Thú y								
231	17310003	Lưu Thanh Tân	Nam	01/01/1986	Long An	Kinh	3.27	Giỏi

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Cao Hùng Phi